

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

**VIÊN
THIÊN
KHANH**

Digitally signed by
VIÊN THIÊN KHANH
Date: 2017.02.16
16:21:51 +08:00

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 06
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 39
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	40 - 41



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát về Công ty

Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 18 ngày 21 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (8) 38 966 819
- Fax : + 84 (8) 38 963 210
- Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 4 6 2 6

• Chi nhánh

1. Trạm xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301444626-030; hạch toán phụ thuộc;
2. Trạm xăng dầu số 11 tại đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-029; hạch toán phụ thuộc;
3. Trạm xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-028; hạch toán phụ thuộc;
4. Trạm xăng dầu số 14 tại tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301444626-032; hạch toán phụ thuộc;
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-034; hạch toán phụ thuộc;
6. Trạm xăng dầu Long Bình tại 90 Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-040; hạch toán phụ thuộc;
7. Trạm xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-042; hạch toán phụ thuộc;
8. Trạm xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-019; hạch toán phụ thuộc;
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-037; hạch toán phụ thuộc;
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-046; hạch toán phụ thuộc;



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. Trạm xăng dầu số 1 tại 744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-017; hạch toán phụ thuộc;
12. Trạm xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-039; hạch toán phụ thuộc;
13. Trạm xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-033; hạch toán phụ thuộc;
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ tại 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-001; hạch toán phụ thuộc;
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-036; hạch toán phụ thuộc;
16. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-044; hạch toán phụ thuộc;
17. Trạm xăng dầu số 19 tại 54/1B Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-045; hạch toán phụ thuộc;
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-004; hạch toán phụ thuộc;
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-005; hạch toán phụ thuộc;
20. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Palace tại 746 Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-006; hạch toán phụ thuộc;
21. Cửa hàng xăng dầu số 4 tại 236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-007; hạch toán phụ thuộc;
22. Cửa hàng xăng dầu số 2 tại 139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-008; hạch toán phụ thuộc;
23. Cửa hàng xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-009; hạch toán phụ thuộc;
24. Trạm xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-010; hạch toán phụ thuộc;
25. Cửa hàng xăng dầu số 8 tại thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301444626-011; hạch toán phụ thuộc;
26. Trạm xăng dầu số 9 tại 22/12 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-043; hạch toán phụ thuộc;
27. Trạm rửa xe số 5 tại 02 Tân Lập, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-038; hạch toán phụ thuộc;
28. Cửa hàng thương mại số 1 tại 1A Đoàn Công Hớn, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-041; hạch toán phụ thuộc;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

29. Cửa hàng xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-012; hạch toán phụ thuộc;

30. Cửa hàng xăng dầu số 15 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-013; hạch toán phụ thuộc;

31. Siêu thị điện máy 30-4 tại số 01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-015; hạch toán phụ thuộc.

32. Cửa hàng xăng dầu số 18 tại Quốc lộ 1A, thôn Phú Sơn, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, mã số chi nhánh 0301444626-031; hạch toán phụ thuộc;

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Công ty con

Tổng số công ty con: 01.

Số lượng công ty con được hợp nhất: 01.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%

5. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

5.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ma Đức Tú	Chủ tịch	16/07/2015	-
Ông Nguyễn Cao Khải	Thành viên	30/03/2013	15/07/2016
Ông Dương Xuân Phát	Thành viên	30/03/2013	11/05/2016
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên	11/05/2016	-
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên	30/03/2016	-
Ông Lê Đức Thuận	Thành viên	05/01/2016	15/10/2016
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	25/11/2016	-
Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Thành viên	25/11/2016	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	30/03/2013	-
Ông Võ Tuấn Hào	Thành viên	30/03/2013	-
Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	30/03/2013	-

4.3. Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Ông Nguyễn Cao Khải	Phó Giám đốc	05/11/2014	10/07/2016
Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc	25/11/2016	-
Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng	15/04/2016	-

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	-

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 09 đến trang 41.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban điều hành, quản lý

Ban điều hành, quản lý chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành, quản lý đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành, quản lý chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành, quản lý cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban điều hành, quản lý cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban điều hành, quản lý phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



MA ĐỨC TÚ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017.

Số: 2017/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 02 năm 2017 (từ trang 09 đến trang 41), bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



A blue handwritten signature, likely of Trần Văn Hiệp, the auditor.

Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		184.276.062.485	124.951.637.232
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	16.910.139.232	30.102.572.492
111	1. Tiền		16.910.139.232	30.102.572.492
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	11.126.514.998	22.752.103.215
121	1. Chứng khoán kinh doanh		22.753.592.764	34.761.560.162
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(11.627.077.766)	(12.009.456.947)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.803.399.259	12.520.040.424
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	14.085.372.484	8.997.615.235
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.374.221.795	2.980.677.213
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		343.804.980	533.847.407
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	7.900.569
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	133.091.566.709	58.988.801.211
141	1. Hàng tồn kho		133.174.312.105	59.149.549.423
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(82.745.396)	(160.748.212)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.344.442.287	588.119.890
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	42.400.000	63.273.065
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.302.042.287	507.710.317
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	17.136.508
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		170.463.151.362	171.378.089.847
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		144.367.490.725	143.630.509.704
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	67.072.552.324	68.190.180.093
222	- Nguyên giá		127.719.984.422	120.306.110.687
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.647.432.098)	(52.115.930.594)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	77.294.938.401	75.440.329.611
228	- Nguyên giá		89.703.039.803	86.157.845.203
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.408.101.402)	(10.717.515.592)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.9	8.911.029.746	9.418.596.503
231	- Nguyên giá		13.127.813.323	13.181.218.943
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.216.783.577)	(3.762.622.440)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		15.529.135.810	14.657.938.083
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	15.529.135.810	14.657.938.083
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	90.000.000	90.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		90.000.000	90.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.565.495.081	3.581.045.557
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	793.584.743	1.192.902.488
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	150.087.985
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.11	646.975.505	684.301.025
269	4. Lợi thế thương mại		124.934.833	1.553.754.059
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		354.739.213.847	296.329.727.079

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		166.375.564.868	108.598.699.677
310	I. Nợ ngắn hạn		151.541.952.460	98.086.889.958
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	69.649.142.938	57.243.528.490
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	10.517.336.725	2.690.894.373
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	1.370.360.668	2.363.381.641
314	4. Phải trả người lao động		18.620.332.843	16.565.898.227
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.106.558.771	582.792.307
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.15a	6.031.256.985	15.267.602.862
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	41.950.000.000	2.576.911.714
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.296.963.530	795.880.344
330	II. Nợ dài hạn		14.833.612.408	10.511.809.719
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
336	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.17	5.745.262.922	7.899.736.502
337	5. Phải trả dài hạn khác	V.15b	7.771.349.486	2.415.349.486
338	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
341	7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	196.723.731
342	8. Dự phòng phải trả dài hạn		1.317.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		188.363.648.979	187.731.027.402
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	188.363.648.979	187.731.027.402
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.000.000.000	124.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		124.000.000.000	124.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.458.121.096	27.458.121.096
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		19.820.641.422	16.254.156.278
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.563.766.563	19.536.767.857
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6.008.845.023	5.298.499.058
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		10.554.921.540	14.238.268.799
429	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		521.119.898	481.982.171
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		354.739.213.847	296.329.727.079

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH



Giám Đốc

TRƯƠNG ĐÌNH SƠN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.006.930.108.484	2.445.578.350.289
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.006.930.108.484	2.445.578.350.289
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	1.868.966.974.005	2.304.472.097.138
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		137.963.134.479	141.106.253.151
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	19.786.726.708	4.107.990.128
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	12.304.058.277	4.040.617.178
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		339.526.383	1.693.218.806
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	81.263.981.575	74.929.258.225
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	36.796.446.061	32.829.248.506
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.385.375.274	33.415.119.370
31	12. Thu nhập khác		639.059.891	1.292.422.717
32	13. Chi phí khác		606.798.252	675.887.098
40	14. Lợi nhuận khác		32.261.639	616.535.619
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.417.636.913	34.031.654.989
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		5.117.048.713	7.363.873.366
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(50.605.731)	(143.927.832)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		22.351.193.931	26.811.709.455
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		22.312.056.204	26.725.098.839
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		39.137.727	86.610.616
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	1.529	1.673
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	1.529	1.673

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017.



Giám Đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		27.417.636.913	34.031.654.989
	2. Điều chỉnh cho các khoản		7.926.818.202	1.753.820.009
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		10.857.048.444	10.908.567.012
03	- Các khoản dự phòng		(460.381.997)	1.977.231.075
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.130.012.212)	(12.825.196.884)
06	- Chi phí lãi vay		339.526.383	1.693.218.806
07	- Các khoản điều chỉnh khác		3.320.637.584	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		35.344.455.115	35.785.474.998
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(30.442.186.561)	(17.782.168.288)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(74.024.762.682)	17.403.128.915
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		37.059.439.797	33.456.005.226
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		420.190.810	(641.562.216)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		12.007.967.398	249.707.630
14	- Tiền lãi vay đã trả		(314.076.244)	(1.722.099.765)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.103.380.898)	(8.059.248.778)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.404.988.031	4.202.634.288
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(12.681.701.377)	(2.576.869.971)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.329.066.611)	60.315.002.039
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(14.502.742.435)	(7.307.040.989)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	39.454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	228.071.557
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.626.287.500	1.468.318.159
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12.876.454.935)	(5.571.196.728)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	304.958.000.000	587.624.733.505
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(265.584.911.714)	(620.185.735.805)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.360.000.000)	(14.880.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		22.013.088.286	(47.441.002.300)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(13.192.433.260)	7.302.803.011
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		30.102.572.492	22.799.769.481
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	16.910.139.232	30.102.572.492

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Xương

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng

Viên Thiên Khanh

VIÊN THIÊN KHANH

Tr. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017.



Giám Đốc

HOÀNG ĐÌNH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con là Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt (sau đây gọi là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh xe gắn máy.
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị.
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng.
- Sắt thép, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 01 công ty.
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty.

Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 374 nhân viên đang làm việc, tại ngày đầu năm có 375 nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe gắn máy), bình quân gia quyền (đối với các loại hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	15 – 25

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường

Mức dự phòng bằng 0,5% doanh thu thuần về hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất, xăng dầu nhưng không vượt quá 5% lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất, xăng dầu theo Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính Phủ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá: xăng dầu, hàng điện máy, xe gắn máy các loại

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ: tổ chức tiệc cưới, cho thuê mặt bằng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	3.537.493.425	3.098.203.811
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.157.515.807	26.978.244.681
- Tiền đang chuyển	215.130.000	26.124.000
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>16.910.139.232</u>	<u>30.102.572.492</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Cù Chi (CCI)	-	-	-	74.217.965	90.900.000	-
- Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau (CMV)	1.076.032.115	1.147.250.000	-	1.076.032.115	1.072.500.000	(3.532.115)
- Công ty CP Vật tư xăng dầu (COM)	585.538.344	1.096.500.000	-	585.538.344	1.139.500.000	-
- Công ty CP Thép Pomina (POM)	4.932.925.254	1.431.432.000	(3.501.493.254)	5.191.965.240	1.283.400.000	(3.908.565.240)
- Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC (SMC)	-	-	-	1.639.691.867	576.000.000	(1.063.691.867)
- Công ty CP Thép Nhà Bè (TNB)	678.026.087	250.040.000	(427.986.087)	1.185.000.000	460.000.000	(725.000.000)
- Công ty CP Lương thực Vĩnh Long (VLF)	611.346.631	70.000.000	(541.346.631)	611.346.631	160.000.000	(451.346.631)
- Công ty CP Thép Biên Hòa (VCA)	428.133.333	153.790.000	(274.343.333)	997.500.000	370.125.000	(627.375.000)
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)	-	-	-	63.677.000	70.905.200	-
- Tổng Công Ty CP Thép Việt Nam (TVN)	2.020.000.000	1.460.000.000	(560.000.000)	2.020.000.000	2.020.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	1.975.220.000	412.634.250	(1.562.585.750)	1.975.220.000	572.011.500	(1.403.208.500)
- Công Ty CP Vật Tư Hậu Giang ⁽¹⁾	-	-	-	4.905.000.000	4.905.000.000	-
- Công Ty CP Địa Ốc 9 ⁽¹⁾	-	-	-	3.990.000.000	3.990.000.000	-
- Công Ty CP Dệt Việt Thắng ⁽¹⁾	677.500.000	677.500.000	-	677.500.000	677.500.000	-
- Công Ty CP Dệt Đông Á	897.500.000	-	(897.500.000)	897.500.000	897.500.000	-
- Công Ty CP XNK Vĩnh Long	339.000.000	-	(339.000.000)	339.000.000	-	(339.000.000)
- Công Ty CP Phong Phú ⁽¹⁾	846.000.000	846.000.000	-	846.000.000	846.000.000	-
- Công Ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec	4.186.371.000	663.548.289	(3.522.822.711)	4.186.371.000	698.633.406	(3.487.737.594)
- Công Ty CP Pvoil Sài Gòn ⁽¹⁾	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
Cộng	22.753.592.764	11.708.694.539	(11.627.077.766)	34.761.560.162	23.329.975.106	(12.009.456.947)

⁽¹⁾ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được tạm tính theo giá gốc của các khoản đầu tư trừ cho dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư đó. Trong đó dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được tính theo hướng dẫn điều 5 của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung điều 5 của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính (do không có giá giao dịch).

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi: giảm do bán bớt 9.000 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 74.217.965 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Thép Pomina: giảm do bán bớt 9.280 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 259.039.986 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC: giảm do bán bớt 80.000 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 1.639.691.867 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Thép Nhà Bè: giảm do bán bớt 24.600 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 506.973.913 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Thép Biên Hòa: giảm do bán bớt 22.475 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 569.366.668 đồng.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: giảm do bán bớt 3.442 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 63.677.000 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Vật tư Hậu Giang: giảm do bán bớt 743.750 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 4.905.000.000 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Địa ốc 9: giảm do bán bớt 360.000 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 3.990.000.000 đồng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(12.009.456.947)	(9.760.007.595)
Trích lập dự phòng bổ sung	(412.208.133)	(2.381.263.823)
Hoàn nhập dự phòng	794.587.314	131.814.471
Số cuối kỳ	(11.627.077.766)	(12.009.456.947)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-
- CTY TNHH Ba tháng hai	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-
Cộng	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chủ yếu là khoản phải thu bán xăng dầu cho khách hàng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	14.085.372.484	8.997.615.235
- CTY CP Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	3.327.710.250	-
- CTY Truyền tải điện 4	657.470.460	579.852.670
- CTY TNHH TM DV Kim Sơn	247.280.000	227.140.000
- Các khách hàng khác	9.852.911.774	7.183.748.935
Cộng	14.085.372.484	8.997.615.235

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	1.374.221.795	2.980.677.213
- CTY Honda Việt Nam – CN Tp. HCM	674.961.730	130.250.213
- CTY TNHH Kiến trúc Quy hoạch Sài Gòn Gia Định	524.700.000	524.700.000
- CTY TNHH Kỹ thuật Nam Dương	104.087.800	202.727.000
- Trả trước cho người bán khác	70.472.265	2.123.000.000
Cộng	1.374.221.795	2.980.677.213

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	132.245.048	-	191.645.619	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Hàng hóa ^(*)	133.042.067.057	(82.745.396)	58.957.903.804	(160.748.212)
Cộng	133.174.312.105	(82.745.396)	59.149.549.423	(160.748.212)

^(*) Hàng hóa chủ yếu là xăng dầu, xe máy, hàng hóa điện máy gia dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí khác	42.400.000	63.273.065
Cộng	42.400.000	63.273.065

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ dụng cụ sử dụng của nhà hàng Rose	461.931.893	1.154.829.707
- Công cụ, dụng cụ khác	331.652.850	38.072.781
Cộng	793.584.743	1.192.902.488

7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	84.396.275.114	20.109.276.572	15.009.012.207	791.546.794	120.306.110.687
Mua trong năm	-	-	1.768.637.501	-	1.768.637.501
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.615.978.182	185.252.432	-	-	5.801.230.614
Tăng khác	53.405.620	-	-	-	53.405.620
Thanh lý	-	(209.400.000)	-	-	(209.400.000)
Số cuối năm	90.065.658.916	20.085.129.004	16.777.649.708	791.546.794	127.719.984.422
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.917.459.297	7.374.062.363	2.964.244.323	427.097.703	24.682.863.686
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	31.222.865.027	12.655.761.682	7.675.431.848	561.872.037	52.115.930.594
Khấu hao trong năm	4.763.259.887	2.611.630.100	1.254.717.578	82.693.932	8.712.301.497
Tăng khác	-	-	519.913.000	-	519.913.000
Giảm khác	(165.400.000)	(535.312.993)	-	-	(700.712.993)
Số cuối năm	35.820.724.914	14.732.078.789	9.450.062.426	644.565.969	60.647.432.098
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	53.173.410.087	7.453.514.890	7.333.580.359	229.674.757	68.190.180.093
Số cuối năm	54.244.934.002	5.353.050.215	7.327.587.282	146.980.825	67.072.552.324

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 2.659.131.797 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn (xem tại thuyết minh mục V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	16.573.125.036	69.238.100.167	346.620.000	86.157.845.203
Mua trong năm	3.545.194.600	-	-	3.545.194.600
Số cuối năm	20.118.319.636	69.238.100.167	346.620.000	89.703.039.803
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			169.200.000	169.200.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	10.472.662.264	244.853.328	10.717.515.592
Khấu hao trong năm	-	1.628.245.814	62.339.996	1.690.585.810
Số cuối năm	-	12.100.908.078	307.193.324	12.408.101.402
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	16.573.125.036	58.765.437.903	101.766.672	75.440.329.611
Số cuối năm	20.118.319.636	57.137.192.089	39.426.676	77.294.938.401

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 2.300.878.928 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn (xem tại thuyết minh mục V.16).

9. Bất động sản đầu tư**9a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	13.181.218.943	13.181.218.943
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	53.405.620	53.405.620
Số cuối năm	13.127.813.323	13.127.813.323
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	976.409.097	976.409.097
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	3.762.622.440	3.762.622.440
Khấu hao trong năm	454.161.137	454.161.137
Số cuối năm	4.216.783.577	4.216.783.577
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	9.418.596.503	9.418.596.503
Số cuối năm	8.911.029.746	8.911.029.746

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có các quy định về việc xác định giá trị hợp lý.

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 8.911.029.748 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quận 9.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Trung tâm Thương mại dịch vụ Thủ Đức	12.151.404.226	3.240.374.480	8.911.029.746
- Kho 60/6 Trường Tre	924.571.597	924.571.597	-
- Cửa hàng 2/9 chợ Bà Chiểu	51.837.500	51.837.500	-
Cộng	13.127.813.323	4.216.783.577	8.911.029.746

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	7.000.000.000	4.983.980.055	(1.723.895.455)	-	10.260.084.600
Xây dựng cơ bản dở dang	7.657.938.083	6.946.768.341	(9.335.655.214)	-	5.269.051.210
- Đất và công trình Bảo Duy Trung	3.545.194.600	-	(3.545.194.600)	-	-
- Chung cư 27 đường số 9, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức ⁽¹⁾	1.624.353.483	-	-	-	1.624.353.483
- Cửa hàng XD số 15	1.818.181.818	3.302.070.614	(5.120.252.432)	-	-
- Cửa hàng XD số 12	670.208.182	381.818.182	(670.208.182)	-	381.818.182
- Cửa hàng XD số 05	-	2.492.584.545	-	-	2.492.584.545
- Trang thiết bị bếp nhà hàng Rose	-	770.295.000	-	-	770.295.000
Cộng	14.657.938.083	11.930.748.396	(11.059.550.669)	-	15.529.135.810

⁽¹⁾ Dự án này đang trong quá trình xin giấy phép đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí phân bổ của các tài sản dùng để hợp tác kinh doanh ⁽¹⁾	646.975.505	684.301.025
Cộng	<u>646.975.505</u>	<u>684.301.025</u>

⁽¹⁾ Đây là giá trị còn lại của các tài sản, vật tư dùng để thực hiện hợp tác kinh doanh với Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002.

Hình thức hợp tác kinh doanh: tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức điều hành, ghi kế toán hoạt động kinh doanh này.

Thời gian hoạt động của dự án: 30 năm.

Tài sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Phân chia lợi ích: Công ty nhận cố định hàng tháng với số tiền là 174.486.364 đồng.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	41.131.581.000	42.480.190.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	26.268.601.000	13.983.050.000
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	14.862.980.000	28.497.140.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	28.517.561.938	14.763.338.490
- CN Công ty CP Công ty Điện lạnh - Điện máy Việt Úc	766.777.887	1.049.954.025
- Công ty Honda Việt Nam	954.648.125	541.621.103
- Các nhà cung cấp khác	26.796.135.926	13.171.763.362
Cộng	<u>69.649.142.938</u>	<u>57.243.528.490</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	10.517.336.725	2.690.894.373
- Đinh Thanh Hải và Phạm Phong Vũ	7.500.000.000	-
- Các người mua khác	3.017.336.725	2.690.894.373
Cộng	<u>10.517.336.725</u>	<u>2.690.894.373</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.328.602.052	524.846.825	12.283.880.614	(13.559.779.283)	35.566.875	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	902.182.669	-	5.271.348.387	(5.103.380.898)	1.070.150.158	-
- Thuế thu nhập cá nhân	132.596.920	-	1.728.947.126	(1.596.900.411)	264.643.635	-
- Thuế nhà đất, thuế đất	-	-	34.500.000	(34.500.000)	-	-
- Khoản thuế khác	-	-	1.289.224.592	(1.289.224.592)	-	-
Cộng	2.363.381.641	524.846.825	20.607.900.719	(21.583.785.184)	1.370.360.668	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.417.636.913
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	372.385.496
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.204.778.832
Thu nhập chịu thuế	25.585.243.577
Thu nhập được miễn thuế	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-
Thu nhập tính thuế	25.585.243.577
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	5.117.048.713
Thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc bên liên doanh	80.069.479
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	74.230.294
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.271.348.387

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	9.373.636.364
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (giá trị hàng mượn)	-	9.373.636.364
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	6.031.256.985	5.893.966.498
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	7.796.683	651.991
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.769.000.006	3.684.427.066
- Phải trả lợi nhuận cho bên liên doanh	828.680.866	2.033.859.395
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.425.779.430	175.028.046
Cộng	6.031.256.985	15.267.602.862

15b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	7.771.349.486	2.415.349.486
- Nhận vốn liên doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú ⁽¹⁾	7.700.000.000	2.200.000.000
- Nhận vốn liên doanh trạm xăng dầu Long Bình ⁽²⁾	71.349.486	71.349.486
- Nhận ký quỹ dài hạn	-	144.000.000
Cộng	7.771.349.486	2.415.349.486

⁽¹⁾ Là khoản nhận vốn góp liên doanh của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Sóng Tiền theo Hợp đồng kinh tế số 540/HĐLK-KD ngày 18/12/2015, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 14 tháng 10 năm 2016, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Lợi nhuận trước thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 50% và chia cho Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Sóng Tiền là 50%.

⁽²⁾ Là khoản nhận vốn góp liên doanh của Nguyễn Thị Nghiệp theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho Nguyễn Thị Nghiệp là 28,5%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan				
- Vay của các cá nhân	-	-	2.576.911.714	2.576.911.714
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	41.950.000.000	41.950.000.000	-	-
- NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Đông Sài Gòn ⁽¹⁾	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quận 9 ⁽²⁾	29.950.000.000	29.950.000.000	-	-
Cộng	41.950.000.000	41.950.000.000	2.576.911.714	2.576.911.714

⁽¹⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 143/2016-HDTHDM.NHCT946-Timexco ngày 20 tháng 06 năm 2016 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn; Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng 06/2015-HDTHDM/NHT946-Timexco ngày 23 tháng 06 năm 2015); Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay: tùy từng lần nhận nợ. Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp cho khoản vay này là 2.659.131.797 đồng. Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình dùng thế chấp cho khoản vay này là 2.300.878.928 đồng.

⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0439/QU9.KH/LD16 ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 9; Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay: tùy từng lần nhận nợ. Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng thế chấp cho khoản vay này là 8.911.029.748 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền vay			
	Số đầu năm	phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	304.958.000.000	(263.008.000.000)	41.950.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.576.911.714	-	(2.576.911.714)	-
Cộng	2.576.911.714	-	(2.576.911.714)	-

17. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan	-	-
	5.745.262.922	7.899.736.502
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	5.745.262.922	7.899.736.502
Cộng	5.745.262.922	7.899.736.502

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV (PVOIL)	63.257.300.000	51,01	63.057.300.000	50,85
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	18.471.600.000	14,90	18.471.600.000	14,90
- Vốn góp của các đối tượng khác	42.271.100.000	34,09	42.471.100.000	34,25
Cộng	124.000.000.000	100,00	124.000.000.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	124.000.000.000	124.000.000.000	-
Cộng	124.000.000.000	124.000.000.000	-

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	124.000.000.000	124.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	124.000.000.000	124.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.360.000.000	7.440.000.000

18d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

18f. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2015 ngày 25/03/2016 như sau:

• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	:	250.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	3.417.850.841
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	3.660.071.993
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	6.200.000.000
Cộng	:	13.527.922.834

Ngoài ra, Công ty tạm phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh của năm 2016 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	11.160.000.000
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	:	80.152.820
Cộng	:	11.240.152.820

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	1.992.002.282.426	2.433.592.038.451
+Doanh thu bán xăng dầu	1.679.156.457.666	2.132.456.902.042
+Doanh thu bán xe máy	126.092.776.207	116.091.839.477
+Doanh thu bán sắt thép	24.374.462.685	33.758.675.084
+ Điện máy, điện tử gia dụng	162.021.100.819	150.946.761.199
+ Bán gas	330.375.959	285.751.558
+ Bách hóa tổng hợp	27.109.090	52.109.091
- Doanh thu dịch vụ	5.848.792.102	5.445.795.191
+Doanh thu dịch vụ tiệc cưới	5.848.792.102	5.445.795.191
- Doanh thu cho thuê mặt bằng và khác	9.079.033.956	6.540.516.647
Cộng	2.006.930.108.484	2.445.578.350.289

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.866.479.872.880	2.302.600.647.425
+Giá vốn bán xăng dầu	1.594.401.440.102	2.036.435.363.517
+Giá vốn bán xe máy	109.501.325.542	103.418.252.877
+ Giá vốn bán sắt thép	22.461.648.763	31.830.567.856
+ Điện máy, điện gia dụng	139.767.140.557	130.587.352.327
+ Bán gas	324.072.460	282.319.939
+Bách hóa tổng hợp	24.245.456	46.790.909
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.272.072.323	819.890.000
+ Giá vốn dịch vụ tiệc cưới	1.272.072.323	819.890.000
- Chi phí cho thuê mặt bằng và khác	1.215.028.802	1.051.559.713
Cộng	<u>1.868.966.974.005</u>	<u>2.304.472.097.138</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	410.041.253	463.178.998
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.626.287.500	1.443.048.360
- Chuyển nhượng chứng khoán	14.966.312.500	-
- Doanh thu tài chính khác	2.784.085.455	2.201.762.770
Cộng	<u>19.786.726.708</u>	<u>4.107.990.128</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	339.526.383	1.693.218.806
- Giá vốn chuyển nhượng chứng khoán	8.895.000.000	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	412.208.133	2.381.263.823
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(794.587.314)	(131.814.471)
- Chi phí tài chính khác	3.451.911.075	97.949.020
Cộng	<u>12.304.058.277</u>	<u>4.040.617.178</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	45.038.289.508	42.657.371.460
- Chi phí vật liệu, bao bì	7.428.416.439	6.954.415.219
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.849.322.166	8.789.721.163
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.798.414.569	18.570.627.806
- Các chi phí khác	1.149.538.893	1.084.179.936
Cộng	<u>81.263.981.575</u>	<u>78.056.315.584</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	22.148.655.059	20.533.312.458
- Chi phí vật liệu quản lý	485.739.900	751.832.496
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.174.287.220	1.269.675.260
- Lợi thế thương mại ^(*)	(578.491.332)	221.250.948
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.588.920.038	6.366.129.930
- Các chi phí khác	1.977.335.176	559.990.055
Cộng	<u>36.796.446.061</u>	<u>29.702.191.147</u>

^(*) Lợi thế thương mại âm là do trong năm Công ty loại trừ khoản lợi thế thương mại từ việc giải thể công ty con.

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	22.351.193.931	26.811.709.455
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi nhuận chia cho bên liên doanh	-	(2.324.618.888)
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(39.137.727)	(86.610.616)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽¹⁾	(3.346.808.431)	(3.660.071.993)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.965.247.773	20.740.407.958
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	12.400.000	12.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>1.529</u>	<u>1.673</u>

⁽¹⁾ Số năm nay được tạm xác định bằng 15% (Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp – Lợi ích của cổ đông không kiểm soát).

8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	22.351.193.931	26.811.709.455
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi nhuận chia cho bên liên doanh	-	(2.324.618.888)
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(39.137.727)	(86.610.616)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽¹⁾	(3.346.808.431)	(3.660.071.993)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.965.247.773	20.740.407.958
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	12.400.000	12.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>1.529</u>	<u>1.673</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.875.957.884	7.706.247.715
- Chi phí nhân công	67.166.704.567	63.190.683.918
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.023.610.393	10.059.396.423
- Lợi thế thương mại	(578.491.332)	221.250.948
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.765.818.250	24.936.757.736
- Chi phí khác	3.806.827.874	1.644.169.991
Cộng	<u>118.060.427.636</u>	<u>107.758.506.731</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	304.958.000.000	587.624.733.505
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>304.958.000.000</u>	<u>587.624.733.505</u>

2. Tiền chi từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	263.008.000.000	620.185.735.805
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	2.576.911.714	-
Cộng	<u>265.584.911.714</u>	<u>620.185.735.805</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương	3.289.348.000	3.557.533.500
Thưởng	222.525.858	157.892.000
Thù lao, khác	178.270.000	251.152.000
Cộng	<u>3.690.170.858</u>	<u>3.966.577.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)	Cùng là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)	Là cổ đông có vốn góp lớn (chiếm 14,90% vốn điều lệ của Công ty)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		
Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	629.122.082.737	1.047.302.818.181
Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải trả tại ngày cuối năm	26.268.601.000	13.983.050.000
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh		
Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	1.064.694.598.182	768.146.956.362
Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải trả tại ngày cuối năm	14.862.980.000	28.497.140.000

3. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	1.679.156.457.666	1.594.401.440.102	84.755.017.564	5,05%
Xe gắn máy	126.092.776.207	109.501.325.542	16.591.450.665	13,16%
Sắt thép	24.374.462.685	22.461.648.763	1.912.813.922	7,85%
Điện máy, điện gia dụng	162.021.100.819	139.767.140.557	22.253.960.262	13,74%
Gas	330.375.959	324.072.460	6.303.499	1,91%
Bách hóa tổng hợp	27.109.090	24.245.456	2.863.634	10,56%
Dịch vụ tiệc cưới	5.848.792.102	1.272.072.323	4.576.719.779	78,25%
Cho thuê mặt bằng và khác	9.079.033.956	1.215.028.802	7.864.005.154	86,62%
Cộng	2.006.930.108.484	1.868.966.974.005	137.963.134.479	6,87%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	2.132.456.902.042	2.036.435.363.517	96.021.538.525	4,50%
Xe gắn máy	116.091.839.477	103.418.252.877	12.673.586.600	10,92%
Sắt thép	33.758.675.084	31.830.567.856	1.928.107.228	5,71%
Điện máy, điện gia dụng	150.946.761.199	130.587.352.327	20.359.408.872	13,49%
Gas	285.751.558	282.319.939	3.431.619	1,20%
Bách hóa tổng hợp	52.109.091	46.790.909	5.318.182	10,21%
Dịch vụ tiệc cưới	5.445.795.191	819.890.000	4.625.905.191	84,94%
Cho thuê mặt bằng và khác	6.540.516.647	1.051.559.713	5.488.956.934	83,92%
Cộng	2.445.578.350.289	2.304.472.097.138	141.106.253.151	5,77%

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Giám đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
1. Số dư đầu năm trước	124.000.000.000	27.458.121.096	13.111.454.024	15.322.138.114	395.371.555	180.287.084.789
2. Tăng trong năm trước	-	-	3.142.702.254	26.811.709.455	86.610.616	30.041.022.325
- Lãi trong năm	-	-	-	26.811.709.455	86.610.616	26.898.320.071
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	3.142.702.254	-	-	3.142.702.254
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	(22.597.079.712)	-	(22.597.079.712)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(3.142.702.254)	-	(3.142.702.254)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.894.547.955)	-	(1.894.547.955)
- Chia cổ tức của 2014	-	-	-	(4.960.000.000)	-	(4.960.000.000)
- Chia cổ tức của 2015	-	-	-	(9.920.000.000)	-	(9.920.000.000)
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(268.600.000)	-	(268.600.000)
- Chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	(2.324.618.887)	-	(2.324.618.887)
- Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(86.610.616)	-	(86.610.616)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	124.000.000.000	27.458.121.096	16.254.156.278	19.536.767.857	481.982.171	187.731.027.402
5. Tăng trong năm nay	-	-	3.660.071.993	22.443.883.372	39.137.727	26.143.093.092
- Lãi trong năm	-	-	-	22.351.193.931	39.137.727	22.390.331.658
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	3.660.071.993	-	-	3.660.071.993
- Tắt toán khi thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	92.689.441	-	92.689.441
6. Giảm trong năm nay	-	-	(93.586.849)	(25.416.884.666)	-	(25.510.471.515)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(3.660.071.993)	-	(3.660.071.993)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.498.003.661)	-	(3.498.003.661)
- Chia cổ tức còn lại của 2015	-	-	-	(6.200.000.000)	-	(6.200.000.000)
- Tạm chia cổ tức của năm nay	-	-	-	(11.160.000.000)	-	(11.160.000.000)
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(250.000.000)	-	(250.000.000)
- Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(39.137.727)	-	(39.137.727)
- Giảm lợi thế thương mại âm đã phân bổ do thanh lý khoản đầu tư công ty con	-	-	-	(584.472.000)	-	(584.472.000)
- Tất toán vốn khi thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	-	(93.586.849)	-	-	(93.586.849)
- Giám khác	-	-	-	(25.199.285)	-	(25.199.285)
7. Số dư cuối năm nay	124.000.000.000	27.458.121.096	19.820.641.422	16.563.766.563	521.119.898	188.363.648.979

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017.

Giám đốc



THUẬN PHÁT
S.D.K.K. - CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THUẬN PHÁT
(TIMEYCO)
THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH
HOANG ĐÌNH SƠN



2017 / 17 / BCKT / AUD - VVALUES